



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International



CÔNG TY CỔ PHẦN HƯNG TRÍ HOLDING

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 – 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11 – 12
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	13 – 40

300
C
T
KIỂM
C VI
TPH

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Hưng Trí Holding và công ty con (gọi tắt là "Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

1. Thông tin chung

Công ty bao gồm: Công ty Cổ phần Hưng Trí Holding (Công ty Mẹ) và các công ty con.

Công ty Mẹ

Công ty Cổ phần Hưng Trí Holding ("Công ty Mẹ") là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0314092636 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 02 tháng 11 năm 2016 và thay đổi lần thứ 9 ngày 07 tháng 08 năm 2023.

Vốn điều lệ của Công ty Mẹ tại thời điểm 31/12/2024 và 01/01/2024 là 111.767.570.000 VND, tương đương 11.176.757 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 51 Trần Phú, Phường 04, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí (trừ lắp đặt các thiết bị điện lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh r22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản và gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: dịch vụ kho bãi (không kinh doanh bất động sản)
- Sửa chữa máy móc, thiết bị. Chi tiết: Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị. (không bao gồm sửa chữa, bảo dưỡng tàu biển, máy bay hoặc các phương tiện và thiết bị vận tải khác)
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
- Lắp đặt hệ thống điện (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn máy móc, vật tư, thiết bị các công trình lạnh công nghiệp, điều hòa không khí, hệ thống điện, phòng chống cháy, thang máy, cấp thoát nước, thiết bị môi trường, cơ khí thuộc ngành công nghiệp và dân dụng.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Trong năm, hoạt động chính của Công ty Mẹ là cho thuê văn phòng.

Công ty con

Công ty Mẹ có các công ty con bao gồm:

Tên công ty	Ngành, nghề kinh doanh chủ yếu	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Thương mại AC & R Việt Nam	Bán buôn máy móc thiết bị	98,75%	98,75%
Công ty TNHH Bao bì và Cơ điện lạnh Ba Huân	Dịch vụ cho thuê kho	95,86%	95,86%
Công ty TNHH Hoàng Tâm	Sản xuất thiết bị cơ điện lạnh	58,60%	58,60%
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Cơ điện lạnh Hưng Trí	Kiến trúc và tư vấn kỹ thuật	70,00%	70,00%
Công ty TNHH Kỹ thuật lạnh Re Com	Lắp đặt hệ thống điện, điện lạnh	69,23%	69,23%

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc của Công ty Mẹ trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Họ tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Bá Trí	Chủ tịch
Ông Đặng Anh Tâm	Thành viên
Ông Bùi Quốc Hưng	Thành viên

Ban Kiểm soát

Họ tên	Chức vụ
Ông Phan Văn Dũng	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Đặng Thị Lành	Thành viên
Ông Phan Võ Đăng Khoa	Thành viên

Tổng Giám đốc

Họ tên	Chức vụ
Bà Võ Thị Thanh Trà	Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Mẹ trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho đến ngày lập báo cáo này như sau:

Họ tên	Quốc tịch	Chức vụ
Bà Võ Thị Thanh Trà	Việt Nam	Tổng Giám đốc

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

7. Phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất

Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



NGUYỄN BÁ TRÍ
Chủ tịch

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2025



Số: 411/2025/BCKTHN-HCM.001536

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN HƯNG TRÍ HOLDING**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Hưng Trí Holding và các công ty con (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 31 tháng 03 năm 2025, từ trang 6 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hưng Trí Holding tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hưng Trí Holding cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất này tại ngày 20 tháng 03 năm 2024.



PHẠM THỊ NGỌC LIÊN

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 1180-2023-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2025

LÊ HUỲNH BẢO

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 5449-2021-009-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
TÀI SẢN				
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		106.345.128.935	141.290.334.875
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	8.998.680.140	20.735.910.063
1. Tiền	111		8.998.680.140	20.735.910.063
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		29.997.439.232	52.686.622.303
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	32.689.542.216	47.338.517.357
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	1.804.965.149	4.694.263.686
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	97.826.115	3.747.159.114
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(4.594.894.248)	(3.093.317.854)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	46.703.604.424	49.264.618.240
1. Hàng tồn kho	141		47.118.149.879	49.264.618.240
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(414.545.455)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		20.645.405.139	18.603.184.269
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	163.863.808	675.309.477
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		20.448.428.496	17.903.675.563
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.15	33.112.835	24.199.229
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		210.074.794.027	186.323.942.032
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		463.427.649	2.675.902.408
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	463.427.649	2.675.902.408
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		115.730.032.192	112.107.489.899
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	88.259.275.056	80.424.377.617
- Nguyên giá	222		212.216.444.344	182.637.898.273
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(123.957.169.288)	(102.213.520.656)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.9	-	1.132.355.146
- Nguyên giá	225		1.219.144.750	17.098.645.181
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1.219.144.750)	(15.966.290.035)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	27.470.757.136	30.550.757.136
- Nguyên giá	228		28.396.890.352	31.476.890.352
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(926.133.216)	(926.133.216)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		15.106.644.524	14.554.388.842
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	15.106.644.524	14.554.388.842
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.12	76.700.085.317	55.079.762.398
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		68.225.085.317	55.079.762.398
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		8.475.000.000	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.074.604.345	1.906.398.485
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	2.074.604.345	1.906.398.485
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		316.419.922.962	327.614.276.907

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
NGUỒN VỐN				
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		118.753.331.798	133.432.913.272
I. Nợ ngắn hạn	310		103.008.611.798	68.026.243.272
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	22.224.168.026	26.964.302.655
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	11.210.416.270	8.512.164.340
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	2.414.286.075	550.800.812
4. Phải trả người lao động	314		135.000.000	127.500.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	4.093.001.280	3.949.956.452
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	5.688.975.571	6.078.892.969
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	46.470.051.947	10.918.674.060
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.19	10.772.712.629	10.923.951.984
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		15.744.720.000	65.406.670.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	4.054.600.000
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.17	8.244.720.000	8.930.870.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.18	7.500.000.000	52.421.200.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		197.666.591.164	194.181.363.635
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.20	197.666.591.164	194.181.363.635
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		111.767.570.000	111.767.570.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		111.767.570.000	111.767.570.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.048.776.000	2.048.776.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		20.106.183.184	19.894.735.588
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		4.225.862.073	4.680.155.786
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		36.566.945.224	34.883.101.011
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		25.495.109.619	3.977.316.132
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		11.071.835.605	30.905.784.879
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		22.951.254.683	20.907.025.250
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		316.419.922.962	327.614.276.907



PHAN QUANG VINH
Người lập biểu/ Kế toán trưởng



VÕ THỊ THANH TRÀ
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		175.823.889.486	148.557.786.905
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	6.1	175.823.889.486	148.557.786.905
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	142.537.200.229	122.215.307.092
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		33.286.689.257	26.342.479.813
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	5.754.669.026	29.247.214.837
7. Chi phí tài chính	22	6.4	6.995.541.514	6.629.115.199
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.427.372.727	6.177.979.525
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	24	5.12	5.660.322.919	7.941.441.252
9. Chi phí bán hàng	25	6.5	591.850.516	1.217.246.997
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	24.835.450.352	32.729.845.951
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22 + 24) - (25 + 26)}	30		12.278.838.820	22.954.927.755
12. Thu nhập khác	31	6.7	12.040.269.362	10.905.139.036
13. Chi phí khác	32	6.8	6.768.334.733	-
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		5.271.934.629	10.905.139.036
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		17.550.773.449	33.860.066.791
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.15	3.187.193.344	2.171.090.857
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		14.363.580.105	31.688.975.934
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty Mẹ	61		11.071.835.605	30.905.784.879
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	6.9	3.291.744.500	783.191.055
19. Lãi cơ bản cổ phiếu	70	6.10	991	2.193



PHAN QUANG VINH
Người lập biểu/ Kế toán trưởng



VÕ THỊ THANH TRÀ
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	17.550.773.449	33.860.066.791
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	8.706.503.347	11.744.453.844
- Các khoản dự phòng, (hoàn nhập)	03	1.916.121.849	(93.780.000)
- (Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	557.898.389	(666.979.372)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(21.863.237.698)	(14.527.950.733)
- Chi phí lãi vay	06	5.427.372.727	6.177.979.525
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	12.295.432.063	36.493.790.055
- (Tăng)/ Giảm các khoản phải thu	09	20.846.414.897	(33.067.409.214)
- (Tăng), giảm hàng tồn kho	10	2.146.468.361	19.367.590.564
- Tăng/ (giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(4.280.258.291)	20.540.809.848
- (Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	343.239.809	38.880.996
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(5.002.414.665)	(5.236.817.474)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.884.851.594)	(3.980.184.665)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.741.423.558)	(4.485.231.797)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	22.722.607.022	29.671.428.313
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(16.951.301.322)	(29.765.568.868)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	12.000.000.000	7.500.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(15.960.000.000)	(8.500.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.202.914.779	14.318.027.450
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(16.708.386.543)	(16.447.541.418)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(47.899.590.000)
3. Tiền thu từ đi vay	33	14.587.004.307	16.194.853.468
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(23.956.826.420)	(20.705.554.281)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(7.823.729.900)	(12.918.773.643)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(17.193.552.013)	(65.329.064.456)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM (50 = 20 + 30 + 40)	50	(11.179.331.534)	(52.105.177.561)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	60	20.735.910.063	72.116.932.493
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(557.898.389)	724.155.131
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM (70 = 50 + 60 + 61)	70	8.998.680.140	20.735.910.063



PHAN QUANG VINH
Người lập biểu/ Kế toán trưởng



VÕ THỊ THANH TRÀ
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2025